

Số: /QĐ-SXD

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026
(nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ)
của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên**

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ năm 2026 cho công tác quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ)
- Số liệu theo biểu số 02 đính kèm.

Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Đường bộ Việt Nam;
 - Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng;
 - Lưu: VT, KHTC.
- (Tuyetpta)

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Anh

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /01/2025 của Sở Xây dựng)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao (đ)
A	Tổng số thu, chi nộp NS phí LP	
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
1	Lệ phí	0
2	Phí	
B	Dự toán chi NSNN	
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.906.119
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	KP nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	23.906.119
6.1	KP nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	23.906.119
	-Chi quản lý bảo trì các tuyến đường Quốc lộ	23.906.119
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vốn vay nợ nước ngoài	